**TIẾT 33: KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra được những kiến thức cơ bản về trang phục và thời trang, đồ dùng điện trong gia đình

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh biết tự học, tự lực làm bài

- Năng lực giải quyết vấn đề: học sinh tự biết giải quyết các yêu cầu của bài kiểm tra

b. Năng lực công nghệ:

- Sử dụng công nghệ: Trình bày bài kiểm tra khoa học.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực: tự giác trung thực làm bài…

- Chăm chỉ: Chăm chỉ, trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

**\* Ma trận đề kiểm tra**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Bài học** | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | **Tổng số câu hỏi** | | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** | **Thời gian (phút)** |
| **1** | **Chương 3: Trang phục và thời trang** | **Các loại vải thường dùng trong may mặc** | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 0,5 |
| **Trang phục** | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |  | 1 |
| **Thời trang** | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  |  | 1 |
| **Sử dụng và bảo quản trang phục** | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 0,5 |
| **2** | **Chương 4: Đồ dùng điện trong gia đình** | **Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.** | 9 |  | 7 |  | 2 |  | 1 |  | 16 | 3 |  | 7 |
| **Tổng** | | | **16** | **12,0** | **12** | **18,0** | **2** | **10,0** | **1** | **5,0** | **28** | **3** | **45,0** | **10** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |  |  |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Các loại vải thường dùng trong may mặc** | **Nhận biết**:  - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.   * Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.   **Thông hiểu:**  Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  **Vận dụng:**  Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc. | 1 | 1 |  |  |
| 2 | **Trang phục** | **Nhận biết:**   * Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống. * Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống.   **Thông hiểu:**   * Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân. * Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. * Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống.   **Vận dụng:**   * Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính.   **Vận dụng cao:**  Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. | 2 | 2 |  |  |
| 3 | **Thời trang** | **Nhận biết:**   * Nêu được những kiến thức cơ bản về thời trang. * Kể tên được một số phong cách thời trang phổ biến.   **Thông hiểu:**   * Phân biệt được phong cách thời trang của một số bộ trang phục thông dụng.   **Vận dụng:**  Bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. | 2 | 2 |  |  |
| 4 | ***Sử dụng và bảo quản trang phục*** | **Nhận biết:**   * Nêu được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. * Nêu được cách bảo quản một số loại trang phục thông dụng.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. * Giải thích được cách bảo quản trang phục thông dụng.   **Vận dụng:**  Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. | 2 |  |  |  |
| 5 | **Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.** | **Nhận biết:**  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nhận biết được các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.   * Nêu được một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng. * Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. * Kể tên được một số thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình. * Đọc được một số thông số kĩ thuật trên đồ dùng điện trong gia đình. * Giải thích được cách lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng. * Giải thích được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.   **Vận dụng:**   * Vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình. * Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.   **Vận dụng cao:**   * Lựa chọn được dồ dùng điện tiết kiệm năng lượng với điều kiện gia đình.   Tính toán được điện năng tiêu thụ, số tiền mua điện khi sử dụng các đồ dùng điện trong gia đình. | 9 | 7 | TL  Câu 29, 30 | TL  Câu 31 |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | 2 | 1 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Mức độ yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Các loại vải thường dùng trong may mặc** | **Nhận biết**:  - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.   * Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.   **Thông hiểu:**  Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  **Vận dụng:**  Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc. | **I. TRẮC NGHIỆM**  **Câu 1. (B) Vải sợ thiên nhiên có nguồn gốc từ:**  A. Thực vật và dầu mỏ.                    B. Động vật và than đá.  C. Thực vật và động vật.           D. Than đá và dầu mỏ.  **Câu 2. Ưu điểm hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhàu thuộc loại vải nào?**   1. Vải sợi nhân tạo. C. Vải sợi tổng hợp.   B. Vải sợi thiên nhiên. D. Vải sợi pha. |
| **Trang phục** | **Nhận biết:**   * Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống. * Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống.   **Thông hiểu:**   * Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân. * Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. * Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống.   **Vận dụng:**   * Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính.   **Vận dụng cao:**  Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. | **Câu 3.** [NB] Trang phục có vai trò gì?  A.Giúp con người khỏe hơn.  B.Làm đẹp cho con người.  C. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và làm đẹp cho con người.  D. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và giúp con người khỏe hơn.  **Câu 4.**  Theo giới tính, trang phục được chia làm mấy loại?  A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.  **Câu 5.** Khi đi học thể dục em chọn trang phục như thế nào?  A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót  B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền  C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê  D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta.  **Câu 6. Khi đi học em mặc trang phục nào?**  A. Đồng phục học sinh  B. Trang phục dân tộc  C. Trang phục bảo hộ lao động  D. Trang phục lễ hội |
| **Thời trang** | **Nhận biết:**   * Nêu được những kiến thức cơ bản về thời trang. * Kể tên được một số phong cách thời trang phổ biến.   **Thông hiểu:**   * Phân biệt được phong cách thời trang của một số bộ trang phục thông dụng.   **Vận dụng:**  Bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. | **Câu 7. Người làm nghề thiết kế thời trang làm những công việc nào?**  A. May các kiểu sản phẩm may, làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiêp  B. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường  C. Nguyên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh ở các trường THCS  **Câu 8. Các bộ trang phục trong hình dước đây thuộc phong cách thời trang nào?**     1. Cổ Điện. B. Học đường. C. Thể thao. D. Đơn giản.   **Câu 9. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?**  A. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha  B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông  C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội  D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên  **Câu 10. Chọn trang phục thời trang phù hợp phong cách thể thao?**  A. Đầm ngắn, giầy bata, trang điểm lòe loẹt**.**  **B.** Váy dài, cầu kì, màu sắc nổi bậc.  C. Áo thun rộng, quần sọc, giày cao gót.  D. Áo thun, quần sọc, giầy ba ta. |
| ***Sử dụng và bảo quản trang phục*** | **Nhận biết:**   * Nêu được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. * Nêu được cách bảo quản một số loại trang phục thông dụng.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. * Giải thích được cách bảo quản trang phục thông dụng.   **Vận dụng:**  Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. | **Câu 11.** Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?  A. Phơi, là (ủi), cất giữ.  B. Giặt, phơi, cất giữ.  **C. Giặt, phơi, là (ủi), cất giữ.**  D. Giặt, phơi, là (ủi).  **Câu 12. Loại quần áo nào dưới đây không nên phơi ngoài nắng?**  A. Quần áo may bằng vải nylon. B. Quần áo may bằng vải polyeste.  C. Quần áo may bằng vải sợi pha. D. Quần áo may bằng vải sợi bông. |
| **Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.** | **Nhận biết:**  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nhận biết được các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nêu được một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  - Kể tên được một số thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Đọc được một số thông số kĩ thuật trên đồ dùng điện trong gia đình.  - Giải thích được cách lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Giải thích được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  **Vận dụng:**   * Vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình. * Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.   **Vận dụng cao:**   * Lựa chọn được dồ dùng điện tiết kiệm năng lượng với điều kiện gia đình. * Tính toán được điện năng tiêu thụ, số tiền mua điện khi sử dụng các đồ dùng điện trong gia đình. | **Câu 13. Công dụng của đèn LED là gì?**  A. Đồ dùng điện để làm sạch bụi bẩn  B. Đồ dùng điện để chiếu sáng  C. Đồ dùng điện để chế biến thực phẩm  D. Đồ dùng điện để bảo quản thực phẩm  **Câu 14. Bàn là điện dùng để làm gì?**  A. Sấy khô quần áo.  B. Làm phẳng quần áo, vải vóc.  C. Làm chín thực phẩm.  D. Thắp sáng.  **Câu 15. Các bộ phận chính của bàn là gồm:**  A. Vỏ bàn là, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.  B. Vỏ bàn là, dây dẫn điện, bộ phận điều chỉnh tốc độ xoay.  C. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ nguồn biến đổi điện áp.  D. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.  **Câu 9. Các bộ phận chính của đèn LED gồm:**  **A**. Vỏ đèn, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.  B. Vỏ đèn, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.  C. Vỏ đèn, dây dẫn điện, bảng mạch LED.  D. Vỏ đèn, bộ nguồn, bảng mạch LED.  **Câu 17. Dây đốt nóng của bàn là điện có chức năng gì?**  A. Dẫn điện cho bàn là.  B. Tạo sức nóng cho bàn là.  C. Tự động ngắt điện cho bàn là khi đủ nhiệt độ.  D. Điều chỉnh nhiệt độ cho bàn là.  **Câu 15. Bộ phận nào của máy xay có các nút tắt, mở?**  A. Thân máy. B. Cối xay.  C. Bộ phận điều khiển. D. Bộ phận cấp điện.  **Câu 19. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình?**  A. Lựa chọn loại có khả năng tiết kiệm điện  B. Lựa chọn các thương hiệu và cửa hàng uy tín  C. Lựa chọn loại cao cấp nhất, có giá cả đắt nhất  D. Lựa chọn loại có thông số kĩ thuật và tính năng phù hợp với nhu cầu sử dụng của gia đình  **Câu 20. Trường hợp nào sau đây được coi là mất an toàn khi sử dụng đồ điện?**  A. Sử dụng đúng điện áp định mức  B. Ngắt nguồn điện khi sửa chữa  C. Sử dụng đúng chức năng của đồ điện  D. Sử dụng đồ điện khi dây cấp nguồn bị chuột cắn hở điện  **21. Thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm gồm:**  A. Điện áp định mức và tố độ quay.  B. Công suất định mức và tố độ quay.  C. Điện áp định mức và công suất định mức.  D. Điện áp định mức và dung tích máy.  **Câu 22. Điền từ còn thiếu vào chỗ “...”**  “Khi cấp điện cho đèn LED, bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi (1)... phù hợp với điện áp sử dụng của đèn và truyền dòng điện đến bảng mạch LED, làm đèn (2) ...”  A. Nguồn điện cung cấp - tỏa nhiệt  B. Nguồn điện cung cấp - phát sáng  C. Điện năng - phát sáng  D. Năng lượng - phát sáng  **Câu 23. Con số 5W trên hình thể hiện thông số kĩ thuật gì của đèn LED?**   1. **Điện áp định mức.**   B. Dòng điện định mức  C. Công suất định mức  D. Tuổi thọ của bóng đèn  **Câu 24. Trên một bàn là điện có ghi 220V - 1000W, ý nghĩa của con số này là gì?**  A. Điện áp định mức: 220V; dung tích: 1000W  B. Điện áp định mức: 220V; công suất định mức: 1000W  C. Công suất định mức: 220V; dung tích: 1000W  D. Công suất định mức: 220V; điện áp định mức: 1000W  **Câu 25. Nhà Hoa có 4 người: bố, mẹ, Hoa đang học lớp 6 và em gái đang học lớp 3. Hôm nay Chủ nhật, cả nhà đi siêu thị mua sắm và muốn mua một nồi cơm điện mới thay cho chiếc nồi cũ. Gia đình Hoa nên lựa chọn loại nào dưới đây?**  A. 220V - 700W - 1,8 lít.  B. 220V - 1 350W - 3,8 lít.  C. 220V - 400W - 1 lít.  D. 220V - 1 550W - 6,3 lít.  **Câu 26. Lựa chọn để thay thế bóng đèn sợi đốt có thông số kĩ thuật 220V - 60W bị hỏng bằng loại nào sau đây để tiết kiệm điện nhất?**  A. Bóng đèn sợi đốt 220V - 60W  B. Bóng đèn compact 220V - 12W  C. Bóng đèn LED 220V - 7W  D. Bóng đèn huỳnh quang 220V – 20W  **Câu 27. Tại sao đèn LED lại tiết kiệm được điện năng hơn các loại đèn khác?**  A. Vì đèn LED cấu tạo nhiều kiểu dáng đẹp.  B. Vì đèn LED đắt tiền hơn các đèn khác.  C. Vì đèn LED có mức điện áp bằng với điện áp của mạng điện.  D. Vì đèn LED có công suất thấp hơn các loại đèn khác nhưng vẫn đảm bảo độ sáng cao.  **Câu 28. Tạo sao ta cần lựa chọn tốc độ quay của lưỡi dao cho máy xay thực phẩm?**  A. Cho phù hợp với từng loại thực phẩm.  B. Để xay thực phẩm được nhanh hơn.  C. Để khi xay xong máy tự tắt.  D. Để mọi thực phẩm được xay nhuyễn.  **II. TỰ LUẬN**  **Cầu 29.** (1 điểm) Vẽ sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của đèn LED?  **Câu 30.** (1 điểm) Trình bày cách sử dụng máy xay thực phẩm để đảm bảo an toàn và tiết kiệm điện?  **Câu 31.** (1 điểm) Cho hai nồi cơm điện có các số liệu như sau:   * Nồi thức nhất: 220V - 750W – 1,8L. * Nồi thứ hai: 220V – 800W – 1,8L.   Để mua nồi về sử dụng, em sẽ chọn mua loại nồi nào trong 2 loại nồi trên? Vì sao? |

,

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II 2022 – 2023**  **Môn Công nghệ 6**  *Thời gian 45 phút* |

**Câu 1.** Vải sợ thiên nhiên có nguồn gốc từ:

A. Thực vật và dầu mỏ. B. Động vật và than đá.

C. Thực vật và động vật. D. Than đá và dầu mỏ.

**Câu 2.** Ưu điểm hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhàu thuộc loại vải nào?

A. Vải sợi nhân tạo. B. Vải sợi tổng hợp.

C. Vải sợi thiên nhiên. D. Vải sợi pha.

**Câu 3.** Trang phục có vai trò gì?

A. Giúp con người khỏe hơn.

B. Làm đẹp cho con người.

C. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và làm đẹp cho con người.

D. Bảo vệ cơ thể khỏi tác hại của môi trường và giúp con người khỏe hơn.

**Câu 4.** Theo giới tính, trang phục được chia làm mấy loại?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 5.** Khi đi học thể dục em chọn trang phục như thế nào?

A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót

B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền

C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê

D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta.

**Câu 6.** Khi đi học em mặc trang phục nào?

A. Đồng phục học sinh B. Trang phục dân tộc

C. Trang phục bảo hộ lao động D. Trang phục lễ hội.

**Câu 7.** Người làm nghề thiết kế thời trang làm những công việc nào?

A. May các kiểu sản phẩm may, làm việc tại cửa hàng hoặc các xí nghiêp

B. Xây dựng nền nhà và làm việc tại các công trường

C. Nguyên cứu thực đơn phù hợp với chế độ dinh dưỡng cho học sinh ở các trường THCS

**Câu 8.** Các bộ trang phục trong hình dước đây thuộc phong cách thời trang nào?



A. Cổ Điện. B. Học đường. C. Thể thao. D. Đơn giản.

**Câu 9.** Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha

B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông

C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội

D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên

**Câu 10.** Chọn trang phục thời trang phù hợp phong cách thể thao?

A. Đầm ngắn, giầy bata, trang điểm lòe loẹt.

B. Váy dài, cầu kì, màu sắc nổi bậc.

C. Áo thun rộng, quần sọc, giày cao gót.

D. Áo thun, quần sọc, giầy ba ta.

**Câu 11.** Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

A. Phơi, là (ủi), cất giữ. B. Giặt, phơi, cất giữ.

C. Giặt, phơi, là (ủi), cất giữ. D. Giặt, phơi, là (ủi).

**Câu 12.** Loại quần áo nào dưới đây không nên phơi ngoài nắng?

A. Quần áo may bằng vải nylon. B. Quần áo may bằng vải polyeste.

C. Quần áo may bằng vải sợi pha. D. Quần áo may bằng vải sợi bông.

**Câu 13.** Công dụng của đèn LED là gì?

A. Đồ dùng điện để làm sạch bụi bẩn. B. Đồ dùng điện để chiếu sáng.

C. Đồ dùng điện để chế biến thực phẩm. D. Đồ dùng điện để bảo quản thực phẩm.

**Câu 14.** Bàn là điện dùng để làm gì?

A. Sấy khô quần áo. B. Là quần áo, vải vóc.

C. Làm chín thực phẩm. D. Lấy ánh sáng.

**Câu 15.** Các bộ phận chính của bàn là gồm:

A. Vỏ bàn là, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

B. Vỏ bàn là, dây dẫn điện, bộ phận điều chỉnh tốc độ xoay.

C. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ nguồn biến đổi điện áp.

D. Vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

**Câu 16.** Các bộ phận chính của đèn LED gồm:

A. Vỏ đèn, động cơ điện, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

B. Vỏ đèn, dây đốt nóng, bộ phận điều chỉnh nhiệt độ.

C. Vỏ đèn, dây dẫn điện, bảng mạch LED.

D. Vỏ đèn, bộ nguồn, bảng mạch LED.

**Câu 17.** Dây đốt nóng của bàn là điện có chức năng gì?

A. Dẫn điện cho bàn là.

B. Tạo sức nóng cho bàn là.

C. Tự động ngắt điện cho bàn là khi đủ nhiệt độ.

D. Điều chỉnh nhiệt độ cho bàn là.

**Câu 18.** Bộ phận nào của máy xay có các nút tắt, mở?

A. Thân máy. B. Cối xay.

C. Bộ phận điều khiển. D. Bộ phận cấp điện.

**Câu 19.** Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình?

A. Lựa chọn loại có khả năng tiết kiệm điện.

B. Lựa chọn các thương hiệu và cửa hàng uy tín.

C. Lựa chọn loại cao cấp nhất, có giá cả đắt nhất.

D. Lựa chọn loại có thông số kĩ thuật và tính năng phù hợp với nhu cầu sử dụng của gia đình.

**Câu 20.** Trường hợp nào sau đây được coi là mất an toàn khi sử dụng đồ điện?

A. Sử dụng đúng điện áp định mức.

B. Ngắt nguồn điện khi sửa chữa.

C. Sử dụng đúng chức năng của đồ điện.

D. Sử dụng đồ điện khi dây cấp nguồn bị chuột cắn hở điện.

**Câu 21.** Thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm gồm:

A. Điện áp định mức và tố độ quay.

B. Công suất định mức và tố độ quay.

C. Điện áp định mức và công suất định mức.

D. Điện áp định mức và dung tích máy.

**Câu 22.** Điền từ còn thiếu vào chỗ “...”

“Khi cấp điện cho đèn LED, bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi (1)... phù hợp với điện áp sử dụng của đèn và truyền dòng điện đến bảng mạch LED, làm đèn (2) ...”

A. Nguồn điện cung cấp - tỏa nhiệt. B. Nguồn điện cung cấp - phát sáng.

C. Điện năng - phát sáng. D. Năng lượng - phát sáng.

**Câu 23.** Con số 5W trên hình thể hiện thông số kĩ thuật gì của đèn LED?

A. Công suát định mức. B. Dòng điện định mức.

C. Điện áp định mức. D. Tuổi thọ của bóng đèn.

**Câu 24.** Trên một bàn là điện có ghi 220V - 1000W, ý nghĩa của con số này là gì?

A. Điện áp định mức: 220V; dung tích: 1000W.

B. Điện áp định mức: 220V; công suất định mức: 1000W.

C. Công suất định mức: 220V; dung tích: 1000W.

D. Công suất định mức: 220V; điện áp định mức: 1000W.

**Câu 25.** Nhà Hoa có 4 người: bố, mẹ, Hoa đang học lớp 6 và em gái đang học lớp 3. Hôm nay Chủ nhật, cả nhà đi siêu thị mua sắm và muốn mua một nồi cơm điện mới thay cho chiếc nồi cũ. Gia đình Hoa nên lựa chọn loại nào dưới đây?

A. 220V - 700W - 1,8 lít. B. 220V - 1 350W - 3,8 lít.

C. 220V - 400W - 1 lít. D. 220V - 1 550W - 6,3 lít.

**Câu 26.** Lựa chọn để thay thế bóng đèn sợi đốt có thông số kĩ thuật 220V - 60W bị hỏng bằng loại nào sau đây để tiết kiệm điện nhất?

A. Bóng đèn sợi đốt 220V - 60W. B. Bóng đèn compact 220V - 12W

C. Bóng đèn LED 220V - 7W. D. Bóng đèn huỳnh quang 220V – 20W

**Câu 27.** Tại sao đèn LED lại tiết kiệm được điện năng hơn các loại đèn khác?

A. Vì đèn LED cấu tạo nhiều kiểu dáng đẹp.

B. Vì đèn LED đắt tiền hơn các đèn khác.

C. Vì đèn LED có mức điện áp bằng với điện áp của mạng điện.

D. Vì đèn LED có công suất thấp hơn các loại đèn khác nhưng vẫn đảm bảo độ sáng cao.

**Câu 28.** Tạo sao ta cần lựa chọn tốc độ quay của lưỡi dao cho máy xay thực phẩm?

A. Cho phù hợp với từng loại thực phẩm.

B. Để xay thực phẩm được nhanh hơn.

C. Để khi xay xong máy tự tắt.

D. Để mọi thực phẩm được xay nhuyễn.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 29.** (1 điểm) Trên đèn Led có ghi 220V- 36W. Hãy cho biết các thông số kĩ thuật của đèn Led đó? (1đ)

**Câu 30.** (1 điểm) Khi phát hiện dây dẫn cấp nguồn của các đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng như : đèn bàn học, quạt bàn, dây sạc....bị hư hỏng lớp vỏ cách điện, em nên sử lí thế nào để đảm bảo an toàn điện ?

**Câu 31.** (1 điểm) Cho hai nồi cơm điện có các số liệu như sau:

* Nồi thức nhất: 220V - 750W – 1,8L.
* Nồi thứ hai: 220V – 800W – 1,8L.

Để mua nồi về sử dụng, em sẽ chọn mua loại nồi nào trong 2 loại nồi trên? Vì sao?

**-Hết-**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022 – 2023**

**Môn Công nghệ 6**

1. **Phần trắc nghiệm: (Mỗi câu đúng: 0,25đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề\câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 000 | C | A | C | C | D | A | A | A | C | D | C | B | B | B |
| Đề\câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| 000 | D | D | B | C | C | D | C | B | A | B | A | C | D | A |

**II. Phần tự luận:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 29:**  **(1 điểm)** | **-Thông số kĩ thuật của đèn Led :**  + Công suất định mức 36W.  + Điện áp định mức 220V. |
| **Câu 30:**  **(1 điểm)** | Xử lí :  Em sẽ không sờ vào và báo với bố mẹ, người lớn để kiểm tra, thay dây đảm bảo an toàn điện. |
| **Câu 31 (1 điểm)** | * Em chọn mua loại nồi thức nhất: 220V - 750W – 1,8L.   Vì hai nồi có chức năng như nhau nhưng nồi thứ nhất có công suất (750W) nhỏ hơn công suất nồi thứ 2 ( 800W) nên sẽ tiết kiệm điện hơn so với nồi thứ 2. |

**2. Học sinh**

- Dụng cụ: thước, bút

- Vật liệu: giấy làm bài kiểm tra

**III. Hình thức kiểm tra**

- Trắc nghiệm kết hợp tự luận

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

- GV kiểm tra sĩ số

- Lớp trưởng báo cáo sĩ số

**2. Kiểm tra**

- GV nêu nội quy kiểm tra

- GV phát đề kiểm tra

- GV coi kiểm tra

- GV thu bài kiểm tra

\* Hướng dẫn về nhà:

Ôn tập lại kiến thức để phục vụ cho bản thân và gia đình